

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC MÔN HÓA HỌC 9 – TUẦN 10

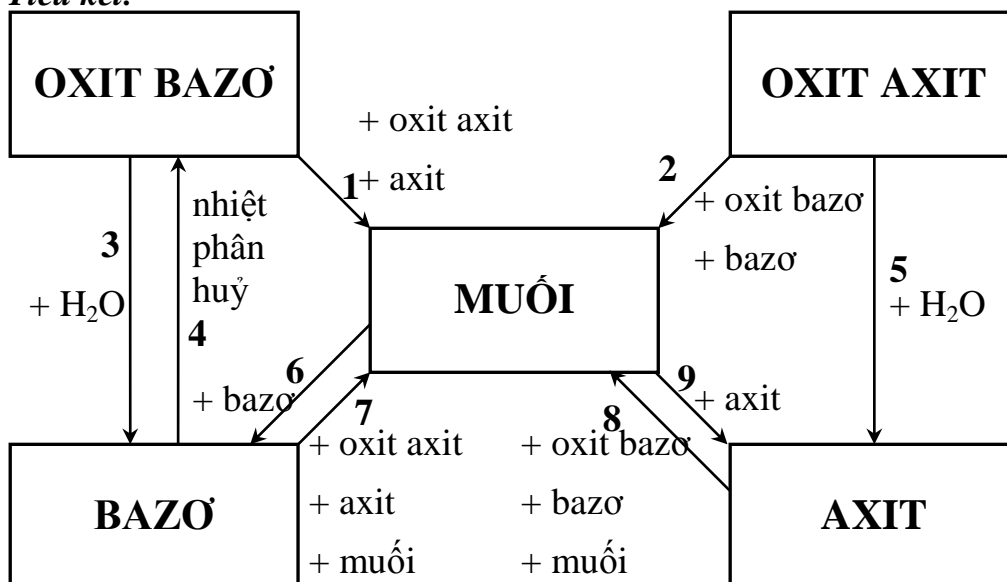
Các em ghi nội dung ghi bài vào vở học và làm phần bài tập vận dụng để củng cố kiến thức.

A. NỘI DUNG GHI BÀI

Tiết 15: MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỢP CHẤT VÔ CƠ

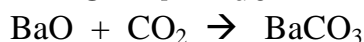
I. Mối quan hệ giữa các hợp chất vô cơ:

* *Tiểu kết:*

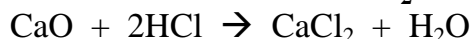


II. Những phản ứng hóa học minh họa:

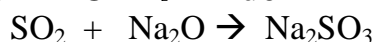
1. – OB + OA → Muối



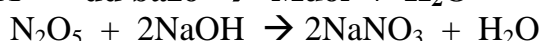
- OB + Axit → Muối + H₂O



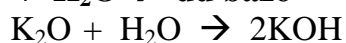
2. – OA + OB → Muối



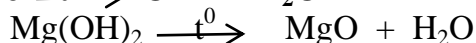
- OA + dd bazo → Muối + H₂O



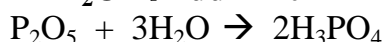
3. OB + H₂O → dd bazo



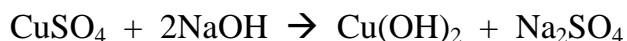
4. Bazo $\xrightarrow{t^0}$ OB + H₂O



5. OA + H₂O → dd Axit



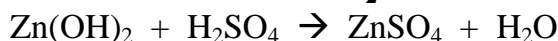
6. Muối + dd bazo → Muối mới + bazo mới



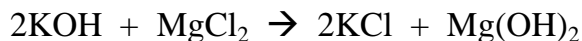
7. – dd bazo + OA → Muối + H₂O



- Bazo + axit → Muối + H₂O



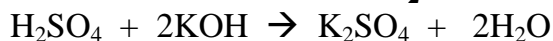
- dd bazo + dd Muối → Muối mới + bazo mới



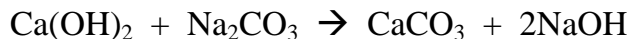
8. – Axit + OB → Muối + H₂O



- Axit + Bazo → Muối + H₂O



- dd Bazơ + dd Muối → Muối mới + Bazơ mới



9. Muối + axit → Muối mới + axit mới



Tiết 16: LUYỆN TẬP CHƯƠNG 1

I. Kiến thức cần nhớ:

- Phân loại hợp chất vô cơ.
- Tính chất hợp chất vô cơ.

} SGK

B/ LUYỆN TẬP TIẾT 15+16:

Câu 1: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

- A. K_2O . B. CuO . C. CO . D. SO_2 .

Câu 2: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là:

- A. CaO , B. BaO , C. Na_2O D. SO_3 .

Câu 3: Dãy oxit tác dụng với nước tạo ra dung dịch kiềm:

- A. CuO , CaO , K_2O , Na_2O . B. CaO , Na_2O , K_2O , BaO .
C. Na_2O , BaO , CuO , MnO . D. MgO , Fe_2O_3 , ZnO , PbO .

Câu 4: Dãy oxit tác dụng với dung dịch NaOH :

- A. CuO , Fe_2O_3 , SO_2 , CO_2 . B. CaO , CuO , CO , N_2O_5 .
C. CO_2 , SO_2 , P_2O_5 , SO_3 . D. SO_2 , MgO , CuO , Ag_2O .

Câu 5: Dãy oxit vừa tác dụng với nước, vừa tác dụng với dung dịch axit là:

- A. CuO , Fe_2O_3 , SO_2 , CO_2 . B. CaO , CuO , CO , N_2O_5 .
C. CaO , Na_2O , K_2O , BaO . D. SO_2 , MgO , CuO , Ag_2O .

Câu 6: Hấp thụ hoàn toàn 11,2 lít khí CO_2 (đktc) bằng một dung dịch chứa 20 g NaOH . Muối được tạo thành là:

- A. Na_2CO_3 . B. NaHCO_3 .
C. Hỗn hợp Na_2CO_3 và NaHCO_3 . D. $\text{Na}(\text{HCO}_3)_2$.

Câu 7: Hoà tan 6,2 g natri oxit vào 193,8 g nước thì được dung dịch A. Nồng độ phần trăm của dung dịch A là:

- A. 4%. B. 6%. C. 4,5% D. 10%

Câu 8: Oxit nào sau đây khi tác dụng với nước tạo ra dung dịch có $\text{pH} > 7$?

- A. CO_2 B. SO_2 C. CaO D. P_2O_5

Câu 9: Cho 2,24 lít CO_2 (đktc) tác dụng với dung dịch Ba(OH)_2 dư. Khối lượng chất kết tủa thu được là :

- A. 19,7 g B. 19,5 g C. 19,3 g D. 19 g

Câu 10: Dùng thuốc thử nào sau đây để phân biệt các chất chứa trong các ống nghiệm mất nhãn: HCl , KOH , NaNO_3 , Na_2SO_4 .

- A. Dùng quì tím và dung dịch CuSO_4 .
B. Dùng dung dịch phenolphtalein và dung dịch BaCl_2 .
C. Dùng quì tím và dung dịch BaCl_2 .
D. Dùng dung dịch phenolphtalein và dung dịch H_2SO_4 .

Câu 11: Em hãy nối cột A với cột B để được một PTHH :

CỘT A

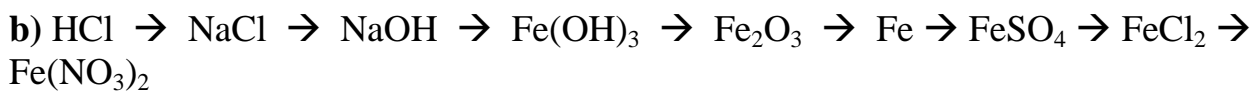
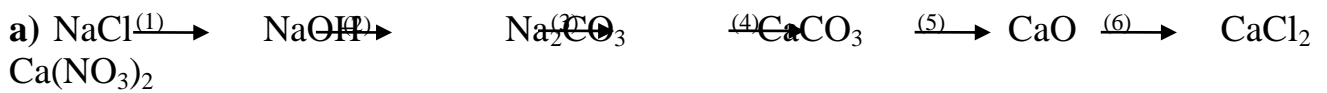
- a) $\text{NaOH} + \text{CO}_2 \rightarrow$
b) $\text{Na}_2\text{CO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow$
c) $\text{CO}_2 + \text{Ca(OH)}_2 \rightarrow$
d) $\text{CuCl}_2 + 2\text{NaOH} \rightarrow$
e) $\text{Cu(OH)}_2 \rightarrow$

CỘT B

- 1) $2\text{NaCl} + \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2$
2) $\text{Cu(OH)}_2 + 2\text{NaCl}$
3) $\text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$
4) $\text{CaCO}_3 + \text{H}_2\text{O}$
5) $\text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$

Câu 12: Trình bày phương pháp hoá học để phân biệt 5 lọ hoá chất bị mất nhãn sau:
KCl; H₂SO₄; HCl; Ba(OH)₂; KOH

Câu 13: Hòa thành dãy chuyển hóa sau:



Câu 14: Cho 200 gam dung dịch K₂CO₃ 27,6% tác dụng vừa đủ với dung dịch BaCl₂ 16,64% thu được dung dịch A và chất rắn B.

- Viết PTHH và cho biết tên của chất A và B.
- Tính khối lượng dung dịch BaCl₂ cần dùng.
- Tính khối lượng chất rắn B thu được.